

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 65/2019/QĐST-HNGĐ

Phan Thiết, ngày 11 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1978

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Lệ C, sinh năm 1983

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã T, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Lệ C đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, Tp P ngày 24/02/2005 theo Trích lục kết hôn số 34 ngày 16/01/2019. Nay ông T, bà C xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Lệ C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Lệ C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T, bà C khai có 02 con chung tên Nguyễn Hồ Trọng T, sinh ngày 16/4/2006 và Nguyễn Hồ Trọng Tg, sinh ngày 13/9/2007. Ông bà thỏa

thuận giao cháu T, cháu Tg cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Lệ C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Trọng T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ngày 23/01/2019 ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0024071 tại Chi cục thi hành án thành phố Phan Thiết, nay chuyển 300.000 đồng thành án phí; ông T đã nộp đủ án phí theo quy định.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

VŨ THỊ THANH HÒA